TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SẦM SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 5 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Liễu;

Ông Nguyễn Văn Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2018 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Viên Thị D – sinh năm1985; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2 xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Viên Đình D – sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ:Thôn 2 xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Viên Thị D yêu cầu giải quyết vụ án đối với bị đơn anh Viên Đình D như sau:

Năm 2003, chị Viên Thị D và anh Viên Đình D, tự nguyện kết hôn với nhau, việc kết hôn của hai bên được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Q huyện Q (nay là xã Q thành phố S). Sau khi kết hôn cuộc sống gia đình rất đầm ấm, hạnh phúc và không có mâu thuẫn xảy ra, nhưng từ khi chị sinh cháu thứ hai vào năm 2011 thì cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, kể từ tháng 5 năm 2017 đến nay anh và chị đã sống ly thân với nhau. Nguyên nhân là do, giữa anh D và chị D đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bản thân anh D là người hay uống rượu, mỗi khi uống rượu về chị có hỏi chuyện anh nhưng điều bị anh hay chửi bới, đánh đập chị và thậm chí

là chửi bới ảnh hưởng đến gia đình bên ngoại, sự việc trên đã xảy ra nhiều lần trong thời gian dài nhưng không chịu sữa chữa khuyết điểm, nhiều lần chị góp ý khuyên ngăn nhưng anh không nghe lời chị, thấy anh không chịu thay đổi tính cách và không tôn trọng chị và người thân, nên chị đã quyết định sống ly thân với anh như hiện nay. Nay nguyện vọng của chị D là được ly hôn với anh D để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị Viên Thị D và anh Viên Đình D có hai con chung là cháu Viên Thị H, sinh ngày 19/11/2004 và cháu Viên Thị Trà M, sinh ngày 02/10/2011. Nay chị xin ly hôn, nguyện vọng của chị đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D được tiếp tục nuôi cháu Viên Thị H, chị D trực tiếp nuôi cháu Viên Thị Trà M, hai bên không phải thực hiện cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Viên Đình D: Sau khi Tòa án ra thông báo thụ lý vụ án,Văn phòng Thừa phát lại đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho anh theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, sau nhiều lần nhận giấy triệu tập đến làm việc nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo quy định hòa giải, Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh tranh chấp của các bên để làm căn cứ giải quyết vụ án. Do anh D không hợp tác khai báo và không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tổ chức hòa giải được.

Tại phiên tòa chị Viên Thị D vẫn giữ quan điểm như đã trình bày trên.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Phát biểu về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết. Đối với bị đơn có mặt tại nơi cư trú nhưng không khai báo và không chấp hành làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa là vi phạm pháp luật tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án vắng mặt đối với bị đơn và giành quyền kháng cáo là đảm bảo quy định của pháp luật.

Về quan điểm áp dụng pháp luật giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị; áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Viên Thị D; về con chung, đề nghị giao cho chị D trực tiếp nuôi cháu Viên Thị Trà M, anh D trực tiếp nuôi cháu Viên Thị H cho đến khi các cháu thành niên, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Viên Thị D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên Tòa, trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm về hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 25/01/2018, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn chị Viên Thị D đối với bị đơn anh Viên Đình D, là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con sau khi ly hôn". Đương sự có nơi cơ trú tại thành phố Sầm Sơn, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn: Chị Viên Thị D và anh Viên Đình D kết hôn với nhau là trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã Q, thành phố S, cấp giấy chứng nhận kết hôn, tại thời điểm kết hôn cả hai bên anh và chị đều đủ tuổi kết hôn không vi phạm các quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị D được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn: Năm 2003, chị Viên Thị D và anh Viên Đình D tổ chức kết hôn theo phong tục tập quán tại địa phương, sau khoảng thời gian chung sống anh và chị đã sinh được hai người con chung, cũng trong thời gian này thì cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gay gắt xảy ra. Tuy nhiên, kể từ khi chi sinh cháu thứ 2 cũng là lúc cuộc sống hôn nhân có sự thay đổi, bản thân anh và chị đều có những khiếm khuyết riêng trong cuộc sống vợ chồng, nên tính cách giữa hai bên đã không còn hòa hợp được với nhau, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, giữa anh và chị đã không thể duy trì được quan hệ hôn nhân, chăm sóc gia đình và nuôi dạy con chung, thay vào đó là tính tình anh D thường xuyên nóng nẩy, mỗi khi anh uống rượu. Nên đã có hành động ứng xử không chuẩn mực, luôn chửi bới xúc phạm và thậm chí là đánh đập chị D, việc chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị không dừng lại một lần mà diễn ra trong thời gian dài. Từ đó dẫn tới mâu thuẫn giữa chị và anh ngày càng gay gắt hơn, cũng chính vì mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, nên cả anh và chị đều không có thiện chí, biện pháp khắc phục để duy trì mục đích hôn nhân, bằng chứng là chị D và anh D đã có cuộc sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ, chồng giữa chị D và anh D đã thực sự không còn duy trì, không còn tình cảm thương yêu nhau, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, thời kỳ hôn nhân của anh, chị đã thực sự không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để chấm dứt quan hệ hôn nhân của anh và chị như hiện nay.

[4]. Xét việc vắng mặt của bị đơn anhViên Đình D.Theo đăng ký hộ khẩu gia đình tại thôn 2 xã Q, thành phố Sầm Sơn thì sau khi thụ lý vụ án, anh Viên Đình D đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án Như vậy, đã đầy đủ căn cứ chứng minh hiện bị đơn đang cư trú, sinh sống tại địa phương, phù hợp với thông tin địa chỉ do nguyên đơn cung cấp.Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ

án, anh có mặt nhưng cố tình không khai báo, không cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân để Tòa án đánh giá, xem xét, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và thậm chí anh còn từ chối nhận văn bản tố tụng. Căn cứ vào các quy định tại các Điều 171,172,174,175, 177 và Điều 180, tại chương X của BLTTDS , thì việc tống đạt các văn bản tố tụng được thực hiện là hợp lệ. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho đương sự trong vụ án.

[5] Về con chung: Trong giấy khai sinh và sổ hộ khẩu gia đình do chị D cung cấp thì anh và chị có hai con chung với nhau là cháu Viên Thị H, sinh ngày 19/11/2004 và cháuViên Thị Trà M, sinh ngày 02/10/2011.Từ khi vợ, chồng ly thân thì các cháu vẫn được anh, chị chăm sóc. Theo cháu Viên Thị H thì cháu mong muốn được ở với anh D, nguyện vọng này của cháu là phù hợp và chính đáng. Nay chị D xin ly hôn, quan điểm của chị cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D trực tiếp nuôi cháu H, còn chị được tiếp tục nuôi cháu Viên Thị Trà M và không yêu cầu anh D phải thực hiện cấp dưỡng tiền nuôi con. Tại phiên tòa anh D không có mặt nên không có thông tin về mức thu nhập và các điều kiện nuôi con đối với anh. Tuy nhiên, hiện nay cháu H đang ở với anh. Do đó, việc tiếp tục giao cháu H cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên là phù.

[6] Về tài sản chung: Chị Viên Thị D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, anh Viên Đình D không cung cấp thông tin khai báo, cũng không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nên không có căn cứ xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Viên Thị D không thuộc đối tượng xem xét miễn nộp, giảm tiền án phí, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Như vậy, chị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, mức án phí không có giá ngạch nhưng được đối trừ vào số tiền án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thành phố Sầm Sơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của chị Viên Thị D, chị D được ly hôn với anh Viên Đình D

Về con chung: Công nhận chị Viên Thị D và anh Viên Đình D có hai con chung là cháu Viên Thị H, sinh ngày 19/11/2004 và cháu Viên Thị Trà M, sinh ngày 02/10/2011. Giao các cháu Viên Thị H cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Viên Thị Trà M cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn các bên được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không bên nào được cản trở.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Viên Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp, theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0004001, ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn (chị D đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai có mặt chị D vắng mặt anh Viên Đình D, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS Tp. Sầm Sơn;
- Chi cục THADS Tp. Sầm Sơn;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi